

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN
CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	13 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5200824701 ngày 05 tháng 10 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp và các Giấy chứng nhận đầu tư số 5048873534 ngày 27 tháng 7 năm 2015 và số 0558173156 ngày 15 tháng 6 năm 2017 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Yên Bái cấp. Thời gian hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Trong quá trình hoạt động, Công ty được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi và Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 10 tháng 2 năm 2023 do thay đổi người đại diện theo pháp luật.
- Giấy chứng nhận đầu tư số 5048873534 thay đổi 04 lần về tên dự án, quy mô của dự án, diện tích mặt đất sử dụng, tổng vốn đầu tư và tiến độ thực hiện dự án. Trong đó, Giấy chứng nhận đầu tư số 5048873534 thay đổi lần thứ 04 ngày 22 tháng 4 năm 2019 điều chỉnh quy mô của dự án, diện tích mặt đất sử dụng, tổng vốn đầu tư và tiến độ thực hiện dự án.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam
- Điện thoại : 0906.686.333

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là sản xuất và kinh doanh bột đá CaCO₃.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Vũ Đức Hậu	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 10 năm 2021
Ông Hoàng Anh Quân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 10 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Thanh	Thành viên HĐQT độc lập	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung	Thành viên HĐQT độc lập	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2022

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Don	Trưởng ban	Ngày 27 tháng 06 năm 2020
Ông Mai Đình Đình	Ủy viên	Ngày 27 tháng 06 năm 2020
Ông Lê Đình Chinh	Ủy viên	Ngày 27 tháng 06 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Hoàng Anh Quân	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 02 năm 2023
Ông Huỳnh Song Trà	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 02 năm 2023
Ông Lê Hoàn	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 11 năm 2019
Bà Đào Thị Dịu	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 11 năm 2019

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Huỳnh Song Trà – Giám đốc (đến ngày 09 tháng 2 năm 2023) và Ông Hoàng Anh Quân – Giám đốc (từ ngày 09 tháng 02 năm 2023).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,
Giám đốc



Số: 2.0307/23/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến đã nêu, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh V.16 Bản Thuyết minh báo cáo tài chính về việc trình bày, phân loại các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn/dài hạn.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư – Thành viên Ban Giám đốc

Giấy CNDKHN kiểm toán số: 0059-2023-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

Phạm Quốc Huy - Kiểm toán viên

Giấy CNDKHN kiểm toán số: 4918-2019-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		198.116.139.027	208.177.450.458
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	19.440.056.143	7.396.606.278
1. Tiền	111		19.440.056.143	7.396.606.278
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		94.801.883.848	153.684.780.662
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	89.408.787.064	113.622.584.927
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	8.135.438.350	10.840.074.922
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	-	15.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	488.462.486	14.222.120.813
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(3.230.804.052)	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		66.888.324.318	30.169.487.697
1. Hàng tồn kho	141	V.8	66.888.324.318	30.169.487.697
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.985.874.718	16.926.575.821
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	1.953.982.733	2.116.318.060
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		15.014.330.635	14.792.716.411
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		17.561.350	17.541.350
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		212.285.068.618	227.911.486.301
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		346.953.700	339.140.950
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	346.953.700	339.140.950
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		189.032.640.708	204.215.004.559
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	84.633.014.531	90.581.503.710
<i>Nguyên giá</i>	222		126.918.946.641	123.744.628.273
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(42.285.932.110)	(33.163.124.563)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	104.399.626.177	113.633.500.849
<i>Nguyên giá</i>	225		141.460.731.976	141.460.731.976
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(37.061.105.799)	(27.827.231.127)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		70.500.000	70.500.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(70.500.000)	(70.500.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		14.629.996.685	14.649.898.389
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2	14.850.000.000	14.850.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2	(220.003.315)	(200.101.611)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.275.477.525	8.707.442.403
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	8.275.477.525	8.707.442.403
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		410.401.207.645	436.088.936.759

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		235.603.386.149	256.855.908.676
I. Nợ ngắn hạn	310		194.494.101.528	208.282.663.790
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	35.979.830.297	36.562.163.652
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.277.256.046	533.860.882
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	181.442.602	657.540.604
4. Phải trả người lao động	314		3.381.773.000	2.749.680.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	1.995.258.938	436.800.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		361.169.496	-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	151.317.371.149	167.342.618.652
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		41.109.284.621	48.573.244.886
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	41.109.284.621	48.573.244.886
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		174.797.821.496	179.233.028.083
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	174.797.821.496	179.233.028.083
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		142.998.800.000	142.998.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		142.998.800.000	142.998.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.416.238.169	3.984.049.775
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		23.382.783.327	32.250.178.308
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		13.518.109.914	32.250.178.308
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.864.673.413	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		410.401.207.645	436.088.936.759

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Đào Thị Dịu

Kế toán trưởng

Đào Thị Dịu

Giám đốc



Hoàng Anh Quân

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	429.310.145.493	493.436.635.594
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	134.532.100	15.690.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		429.175.613.393	493.420.945.594
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	289.620.823.771	374.169.587.313
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		139.554.789.622	119.251.358.281
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	2.544.079.671	828.376.648
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	14.929.948.998	14.725.157.226
Trong đó: chi phí lãi vay	23		13.493.933.843	13.909.122.759
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	106.025.941.780	82.207.607.741
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	8.644.244.736	5.212.408.062
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.498.733.779	17.934.561.900
11. Thu nhập khác	31	VI.8	3.891.485	101.556.447
12. Chi phí khác	32	VI.9	59.797.006	1.471.762.628
13. Lợi nhuận khác	40		(55.905.521)	(1.370.206.181)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.442.828.258	16.564.355.719
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	2.578.154.845	1.790.394.405
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>9.864.673.413</u>	<u>14.773.961.314</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	-	-

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Đào Thị Dịu

Đào Thị Dịu

Hoàng Anh Quân

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		12.442.828.258	16.564.355.719
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		18.393.356.888	16.814.682.332
- Các khoản dự phòng	03	VI.5, VI.7	3.250.705.756	30.916.017
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	600.893.707	472.162.310
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(367.661.557)	(142.000.000)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	13.493.933.843	13.909.122.759
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		47.814.056.895	47.649.239.137
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		40.045.419.117	(28.279.659.557)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(36.718.836.621)	25.228.267.947
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		2.466.247.412	4.123.047.748
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		594.300.205	1.892.303.016
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(13.327.118.728)	(13.664.524.043)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(2.775.238.880)	(2.198.909.636)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		38.098.829.400	34.749.764.612
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(3.260.454.768)	(3.463.505.514)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(15.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		15.000.000.000	2.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		417.123.288	142.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		12.156.668.520	(16.321.505.514)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-	-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-	-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.16	368.228.448.145	388.331.153.997		
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16	(376.878.410.022)	(395.597.453.811)		
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.16	(15.272.196.178)	(14.633.141.653)		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.299.880.000)	(7.149.940.000)		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(38.222.038.055)	(29.049.381.467)		
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		12.033.459.865	(10.621.122.369)		
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	7.396.606.278	18.031.120.510		
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		9.990.000	(13.391.863)		
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	19.440.056.143	7.396.606.278		

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Đào Thị Dịu

Kế toán trưởng

Đào Thị Dịu



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất bột đá CaCo3.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty con là Công ty TNHH TALC Việt Nam có trụ sở chính tại 136 phố Vàng, thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là khai thác quặng TALC. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 99%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 137 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 149 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ, chi phí san lấp mặt bằng và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí san lấp mặt bằng

Chi phí san lấp mặt bằng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 50 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	8 - 10
Tài sản cố định khác	5

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là máy móc thiết bị có thời gian khấu hao từ 10-15 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.679.298.438	3.950.125.784
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.760.757.705	3.446.480.494
Cộng	<u>19.440.056.143</u>	<u>7.396.606.278</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Là khoản đầu tư vào Công ty TNHH TALC Việt Nam. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2600441779 ngày 15 tháng 9 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH TALC Việt Nam 14.850.000.000 VND, tương đương 99% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ số vốn theo đăng ký, không thay đổi so với số đầu năm.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của Công ty con

Năm 2022, hoạt động của Công ty con tiếp tục bị lỗ 20.026.966 VND (cùng kỳ năm 2021: lỗ 31.228.300 VND).

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào Công ty con

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào Công ty con như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	200.101.611	169.185.594
Trích lập dự phòng bổ sung	19.901.704	30.916.017
Số cuối năm	<u>220.003.315</u>	<u>200.101.611</u>

Giao dịch với Công ty con

Công ty không phát sinh giao dịch với Công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	54.912.638.044	67.571.635.890
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu	16.416.335.848	23.842.840.065
Công ty Cổ phần Pollyfill	17.858.584.051	24.353.989.275
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu Yên Bái	20.637.718.145	19.374.806.550
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	34.496.149.020	46.050.949.037
Các khách hàng khác	34.496.149.020	46.050.949.037
Cộng	89.408.787.064	113.622.584.927
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khách hàng khu vực trong nước</i>	76.792.810.757	109.388.738.133
<i>Phải thu khách hàng khu vực nước ngoài</i>	12.615.976.307	4.233.846.794
Cộng	89.408.787.064	113.622.584.927

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước các bên liên quan</i>	5.061.428.833	6.000.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Chân Thiện Mỹ	5.061.428.833	6.000.000.000
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	3.074.009.517	4.840.074.922
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Vũ Gia Hải Dương	1.070.540.942	1.070.540.942
Các nhà cung cấp khác	2.003.468.575	3.769.533.980
Cộng	8.135.438.350	10.840.074.922

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Là khoản cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhựa gỗ Châu Âu (bên liên quan) vay theo hợp đồng số 02/HĐCV/YBM-NG ngày 31/12/2021, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất 9%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo. Trong năm, Công ty đã thu hồi lại toàn bộ khoản cho vay.

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại và Xuất nhập khẩu Hưng Phát	-	-	13.600.000.000	-
Thuế GTGT thuế tài chính	219.257.461	-	342.460.909	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	269.205.025	-	279.659.904	-
Cộng	488.462.486	-	14.222.120.813	-

6b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Nợ xấu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH MTV sản xuất và Thương mại Vũ Gia Hải Dương	1.070.540.942	(1.070.540.942)	1.070.540.942	-
Công ty TNHH Thương mại và vận tải dịch vụ Hoàng Anh Phát	261.866.730	(261.866.730)	261.866.730	-
Ban quản lý các khu Công nghiệp tỉnh Yên Bái	982.514.540	(982.514.540)	982.514.540	-
Công ty TNHH Nguyên liệu Công nghiệp Thủy Phạm	243.979.736	(243.979.736)	243.979.736	-
Các tổ chức và cá nhân khác	716.902.104	(671.902.104)	716.902.104	-
Cộng	3.275.804.052	(3.230.804.052)	3.275.804.052	-

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu (*)	64.424.644.451		23.115.110.484	
Công cụ, dụng cụ	1.313.235.201		1.772.254.044	
Thành phẩm	1.150.444.666		5.282.123.169	
Cộng	66.888.324.318		30.169.487.697	

(*) Trong năm, Công ty đã mua bao bì Jumbo của Công ty Cổ phần Đá Cacbonat Canxi theo hợp đồng kinh tế số 01/2022/YBM-CACO3, giá trị hợp đồng là 54.298.055.000 VND làm cho giá trị nguyên liệu, vật liệu cuối năm tăng mạnh so với đầu năm.

9. Chi phí trả trước**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.810.341.901	1.791.285.252
Chi phí sửa chữa	41.574.453	146.031.187
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	102.066.379	179.001.621
Cộng	1.953.982.733	2.116.318.060

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	16.997.573	89.223.609
Chi phí san lấp mặt bằng (*)	7.748.857.402	7.930.366.101
Chi phí sửa chữa	327.914.915	436.985.589
Chi phí bảo hiểm	32.865.640	76.621.384
Các chi phí trả trước dài hạn khác	148.841.995	174.245.720
Cộng	8.275.477.525	8.707.442.403

(*) Là chi phí san lấp, giải phóng mặt bằng của dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất hạt nhựa Taical và sản xuất bột đá CaCO3 tại Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Chi phí này được phân bổ trong vòng 600 tháng kể từ 01/01/2016. Giá trị thi công san lấp mặt bằng đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.16)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	65.840.651.239	43.279.392.707	13.386.137.872	697.924.455	540.522.000	123.744.628.273
Xây dựng cơ bản hoàn thành trong năm	3.260.454.768	-	-	-	-	3.260.454.768
Thanh lý nhượng bán	(86.136.400)	-	-	-	-	(86.136.400)
Số cuối năm	69.014.969.607	43.279.392.707	13.386.137.872	697.924.455	540.522.000	126.918.946.641
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	78.000.000	-	298.981.000	-	376.981.000
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	12.704.571.490	13.632.085.184	6.257.118.922	426.410.927	142.938.040	33.163.124.563
Khấu hao trong năm	3.674.480.117	3.832.754.074	1.412.137.788	132.005.837	108.104.400	9.159.482.216
Thanh lý, nhượng bán	(36.674.669)	-	-	-	-	(36.674.669)
Số cuối năm	16.342.376.938	17.464.839.258	7.669.256.710	558.416.764	251.042.440	42.285.932.110
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	53.136.079.749	29.647.307.523	7.129.018.950	271.513.528	397.583.960	90.581.503.710
Số cuối năm	52.672.592.669	25.814.553.449	5.716.881.162	139.507.691	289.479.560	84.633.014.531
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng						
Đang chờ thanh lý						

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 70.883.453.329 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.15).

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính là máy móc và thiết bị. Chi tiết số phát sinh như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	141.460.731.976	(27.827.231.127)	113.633.500.849
Khấu hao trong năm	-	(9.233.874.672)	(9.233.874.672)
Số cuối năm	141.460.731.976	(37.061.105.799)	104.399.626.177

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính, đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	3.313.193.612	1.602.345.300
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu	802.193.612	1.602.345.300
Công ty TNHH MTV Nhựa Châu Âu Nghệ An	2.511.000.000	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	32.666.636.685	34.959.818.352
Công ty Cổ phần Mông Sơn	4.175.821.060	6.132.666.104
Các nhà cung cấp khác	28.490.815.625	28.827.152.248
Cộng	35.979.830.297	36.562.163.652

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các nhà cung cấp khu vực trong nước</i>	30.870.670.471	33.453.692.669
<i>Các nhà cung cấp khu vực nước ngoài</i>	5.109.159.826	3.108.470.983
<i>Cộng</i>	35.979.830.297	36.562.163.652

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	345.465.024	(345.465.024)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	17.521.350	4.680.782.022	(4.680.782.022)	-	17.521.350
Thuế thu nhập doanh nghiệp	375.238.880	-	2.578.154.845	(2.775.238.880)	178.154.845	-
Thuế thu nhập cá nhân	282.301.724	-	560.125.090	(839.139.057)	3.287.757	-
Tiền thuê đất	-	-	7.842.758	(7.842.758)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	20.000	6.967.333	(6.987.333)	-	40.000
Cộng	657.540.604	17.541.350	8.183.337.072	(8.659.455.074)	181.442.602	17.561.350

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 5048873534 ngày 27 tháng 7 năm 2015 do Ban quản lý dự án Các khu công nghiệp tỉnh Yên Bái cấp, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ dự án đầu tư với thuế suất 20% trong 50 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 02 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án (năm 2016 và năm 2017) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo (từ năm 2018 đến năm 2021).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.442.828.258	16.564.355.719
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	508.551.847	1.339.588.325
- Các khoản điều chỉnh tăng	569.157.726	1.339.588.325
- Các khoản điều chỉnh giảm	(60.605.879)	-
Thu nhập chịu thuế	12.890.774.226	17.903.944.044
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	2.578.154.845	3.580.788.809
Thuế TNDN được miễn, giảm	-	(1.790.394.404)
Tổng Thuế TNDN còn phải nộp	2.578.154.845	1.790.394.405

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước chi phí làm hàng xuất khẩu	1.391.643.823	-
Chi phí lãi vay phải trả	603.615.115	436.800.000
Cộng	1.995.258.938	436.800.000

16. Vay và nợ thuê tài chính

16a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long ⁽ⁱ⁾	62.454.496.109	69.364.155.048
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch I ⁽ⁱⁱ⁾	88.862.875.040	97.978.463.604
Cộng	151.317.371.149	167.342.618.652

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

(i) **Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Nam Thăng Long:** Vay theo Hợp đồng tín dụng số 15/2022-HĐCVHM/NHCT140-YBM ngày 15/7/2022, hạn mức tín dụng là 90 tỷ VND, thời hạn cấp hạn mức tới hết ngày 15/7/2023, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bột đá. Lãi suất vay từng lần được quy định trên từng giấy nhận nợ, thời hạn vay tối đa không quá 6 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng Quyền tài sản và lợi ích gắn liền hoặc phát sinh thu được từ việc hình thành, kinh doanh, khai thác Dự án Nhà máy sản xuất hạt nhựa Taical và sản xuất bột đá CaCO₃ tại Khu Công nghiệp tỉnh Yên Bái; Quyền phải thu luân chuyển và hàng tồn kho luân chuyển của Công ty và một số nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải thuộc sở hữu của Công ty (Xem thuyết minh số V.9)

(ii) **Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch I:** Vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/7958039/HĐTD ngày 26/10/2022 với hạn mức tín dụng là 119.600.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức tới hết ngày 30/9/2023, mục đích bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C, chiết khấu bộ chứng từ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất và thời hạn vay từng lần được quy định trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay được bảo đảm bằng Quyền sở hữu và quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BX818982 do UBND tỉnh Yên Bái cấp; giá trị thi công san lấp nhà xưởng số 1, 2, 3 và nhà kho số 1, 2 (Xem thuyết minh số V.8b) và một số nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải thuộc sở hữu của Công ty (Xem thuyết minh số V.9).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	167.342.618.652	164.753.310.968
Số tiền vay phát sinh	357.228.448.145	389.833.613.035
Số tiền vay đã trả	(373.318.410.022)	(387.227.426.819)
Giảm do đánh giá CLTG cuối năm	-	(16.878.532)
Tăng do đánh giá CLTG cuối năm	64.714.374	-
Số cuối năm	151.317.371.149	167.342.618.652

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	-	160.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	160.000.000
Vay dài hạn các cá nhân	22.600.000.000	15.000.000.000
Bà Hồ Nhật Lệ ⁽ⁱ⁾	10.000.000.000	8.000.000.000
Bà Hoàng Thị Phương ⁽ⁱⁱ⁾	12.600.000.000	7.000.000.000
Nợ thuê tài chính	18.509.284.621	33.413.244.886
Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV- SuMi Trust - Chi nhánh Hà Nội ⁽ⁱⁱⁱ⁾	765.825.984	1.601.272.488
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ^(iv)	17.743.458.637	31.811.972.398
Cộng	41.109.284.621	48.573.244.886

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Các khoản nợ thuê tài chính đến hạn trả trong năm 2023 được trình bày tổng hợp trong mục “Vay và nợ thuê tài chính dài hạn”, số tiền 8.175.477.936 VND (số đầu năm: 15.548.192.297 VND).

- (i) **Bà Hồ Nhật Lệ:** Vay tín chấp theo Hợp đồng vay 25/12/2019, thời gian vay 60 tháng, lãi suất 8%/năm, tiền vay được trả vào cuối thời hạn vay.
- (ii) **Bà Hoàng Thị Phương:** Vay tín chấp theo Hợp đồng vay ngày 1/10/2021 và phụ lục số 01PL/HĐCV/YBM-HTP-2110, thời hạn vay đến 31/12/2024, lãi suất 8%/năm, tiền vay được hoàn trả vào cuối thời hạn vay.
- (iii) **Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV - SuMi Trust - Chi nhánh Hà Nội:** Thuê tài chính theo các hợp đồng ký năm 2018, tài sản thuê tài chính là hệ thống phân tích thóc hạt, máy tráng phủ và dây chuyền nghiền thô - rửa đá, thời hạn 60 tháng. Lãi suất là 8,5%/năm trong vòng 3 tháng đầu tiên, từ tháng thứ 4 lãi suất thuê được tính bằng lãi suất Libor kỳ hạn 12 tháng bằng đồng VND cộng biên độ 2,6%/năm.
- (iv) **Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam:** Thuê tài chính để mua máy móc thiết bị theo các hợp đồng thuê:

Ngày ký kết	Số tiền	Thời hạn thuê	Thời hạn thu hồi nợ gốc	Lãi suất	
04/6/2018	17.931.240.615 VND và 467.600 USD	60 tháng	59 tháng, ân hạn 1 tháng	Libor kỳ hạn 12 tháng bằng đồng USD cộng biên độ 2,9%/năm (đối với USD); và 57 tháng, ân hạn 3 tháng (đối với VND)	Libor kỳ hạn 12 tháng bằng đồng USD cộng biên độ 3%/năm (đối với VND)
29/08/2018	2.035.727.273 VND	36 và 60 tháng	33 tháng và 57 tháng, ân hạn 3 tháng	Libor kỳ hạn 12 tháng bằng đồng VND cộng biên độ 3%/năm	
20/12/2020	102.900 USD	60 tháng	60 tháng	Libor kỳ hạn 12 tháng bằng đồng VND cộng biên độ 3%/năm	
08/06/2021	757.600 USD	60 tháng	59 tháng, ân hạn 1 tháng	Libor kỳ hạn 06 tháng bằng đồng USD cộng biên độ 3,1%/năm.	

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm
Số cuối năm			
Vay dài hạn các cá nhân	22.600.000.000	-	22.600.000.000
Nợ thuê tài chính	18.509.284.621	8.175.477.936	10.333.806.685
Cộng	41.109.284.621	8.175.477.936	32.933.806.685
Số đầu năm			
Vay dài hạn ngân hàng	160.000.000	160.000.000	-
Vay dài hạn các cá nhân	15.000.000.000	-	15.000.000.000
Nợ thuê tài chính	33.413.244.886	15.388.192.297	18.025.052.589
Cộng	48.573.244.886	15.548.192.297	33.025.052.589

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Vay dài hạn ngân hàng	Vay dài hạn các cá nhân	Nợ thuê tài chính	Cộng
Số đầu năm	160.000.000	15.000.000.000	33.413.244.886	48.573.244.886
Số tiền vay phát sinh trong năm		11.000.000.000		11.000.000.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(160.000.000)	(3.400.000.000)	(15.272.196.178)	(18.832.196.178)
Tăng do CLTG phát sinh	-	-	237.970.831	237.970.831
Tăng do đánh giá CLTG cuối năm	-	-	130.265.082	130.265.082
Số cuối năm	-	22.600.000.000	18.509.284.621	41.109.284.621

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

17. Vốn chủ sở hữu**17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	142.998.800.000		28.610.206.769	171.609.006.769
Lợi nhuận trong năm trước	-		14.773.961.314	14.773.961.314
Trích quỹ đầu tư phát triển		3.984.049.775	(3.984.049.775)	-
Chia cổ tức bằng tiền			(7.149.940.000)	(7.149.940.000)
Số dư cuối năm trước	142.998.800.000	3.984.049.775	32.250.178.308	179.233.028.083
Số dư đầu năm nay	142.998.800.000	3.984.049.775	32.250.178.308	179.233.028.083
Lợi nhuận trong năm	-		9.864.673.413	9.864.673.413
Trích quỹ đầu tư phát triển		4.432.188.394	(4.432.188.394)	-
Chia cổ tức bằng tiền			(14.299.880.000)	(14.299.880.000)
Số dư cuối năm nay	142.998.800.000	8.416.238.169	23.382.783.327	174.797.821.496

17b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	14.299.880	14.299.880
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	14.299.880	14.299.880
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	14.299.880	14.299.880

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 25.06/2022/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 6 năm 2022 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông (10%/vốn điều lệ)	: 14.299.880.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 4.432.188.394

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 48.797,59 USD (số đầu năm là 81.016,27 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	26.290.818.000	151.997.432.137
Doanh thu bán thành phẩm	403.019.327.493	341.434.644.649
Doanh thu khác	-	4.558.808
Cộng	429.310.145.493	493.436.635.594
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu nội địa	318.470.365.461	422.867.945.703
Doanh thu xuất khẩu	110.839.780.032	70.568.689.891
Cộng	429.310.145.493	493.436.635.594

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu	73.761.626.514	87.004.534.485
Công ty Cổ phần Polyfill	91.450.802.150	109.188.777.625
Công ty TNHH MTV Nhựa Châu Âu Nghệ An	1.100.000.000	-
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu Yên Bái	46.226.984.980	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhựa gỗ Châu Âu	244.700.000	-
Cộng	212.784.113.644	196.193.312.110

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	106.283.600	-
Giảm giá hàng bán	28.248.500	15.690.000
Cộng	134.532.100	15.690.000

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	30.045.417.370	145.494.990.051
Giá vốn của thành phẩm đã bán	259.575.406.401	228.674.597.262

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cộng	289.620.823.771	374.169.587.313
<i>Trong đó:</i>		
<i>Giá vốn nội địa</i>	<i>240.047.416.965</i>	<i>320.656.136.355</i>
<i>Giá vốn xuất khẩu</i>	<i>49.573.406.806</i>	<i>53.513.450.958</i>
Cộng	289.620.823.771	374.169.587.313
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi cho vay	417.123.288	-
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	4.675.816	6.194.560
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.122.280.567	680.182.088
Lãi đầu tư trái phiếu	-	142.000.000
Cộng	2.544.079.671	828.376.648
5. Chi phí tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	13.493.933.843	13.909.122.759
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	800.549.937	311.875.372
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	600.893.707	472.162.310
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn	19.901.704	30.916.017
Chi phí tài chính khác	14.669.807	1.080.768
Cộng	14.929.948.998	14.725.157.226
6. Chi phí bán hàng		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.577.367.861	1.966.460.232
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.082.170.191	1.013.505.626
Chi phí dịch vụ mua ngoài	100.350.914.727	78.257.750.797
<i>Trong đó: Chi phí vận chuyển</i>	<i>97.804.507.047</i>	<i>78.257.750.797</i>
Các chi phí khác	2.015.489.001	969.891.086
Cộng	106.025.941.780	82.207.607.741
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.065.540.132	3.018.801.889
Chi phí đồ dùng văn phòng	112.450.345	161.096.711
Chi phí khấu hao tài sản cố định	681.026.725	523.258.428
Thuế, phí và lệ phí	686.718.588	532.979.738
Dự phòng phải thu khó đòi	3.230.804.052	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	958.681.908	945.559.477
Các chi phí khác	909.022.986	30.711.819
Cộng	8.644.244.736	5.212.408.062
8. Thu nhập khác		
Là thu nhập từ xử lý công nợ.		

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	6.951.237	14.592.965
Lỗi thanh lý tài sản cố định	49.461.731	-
Chi phí ủng hộ	-	243.750.000
Xử lý công nợ	15.204	902.290.075
Chi phí khác	3.368.834	311.129.588
Cộng	<u>59.797.006</u>	<u>1.471.762.628</u>

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	173.899.854.170	140.530.402.408
Chi phí nhân công	19.989.084.306	20.044.775.773
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.393.356.888	16.814.682.332
Chi phí dịch vụ mua ngoài	157.697.340.009	132.474.663.812
Chi phí khác	9.259.599.790	1.886.086.720
Cộng	<u>379.239.235.163</u>	<u>311.750.611.045</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Giám đốc, Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ông Vũ Đức Hậu – Giám đốc		
Hoàn ứng	-	2.000.000.000
Ông Lê Hoàn – Phó Giám đốc		
Hoàn ứng	-	7.000.000.000

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	<u>Tiền lương</u>	<u>Tiền thưởng</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Năm nay				
Ông Vũ Đức Hậu - Chủ tịch HĐQT			120.000.000	120.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh - Thành viên HĐQT			30.000.000	30.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung - Thành viên HĐQT			30.000.000	30.000.000
Ông Hoàng Anh Quân - Giám đốc	265.902.500	50.077.000	60.000.000	375.979.500
Ông Lê Hoàn - Phó Giám đốc	259.999.431	50.077.000		310.076.431
Bà Đào Thị Dịu - Kế toán trưởng	36.000.000	8.000.000		44.000.000
Ông Nguyễn Văn Don - Trưởng Ban kiểm soát			36.000.000	36.000.000
Ông Mai Đình Đình - Ủy viên Ban kiểm soát			24.000.000	24.000.000
Ông Lê Đình Chinh - Ủy viên Ban kiểm soát			24.000.000	24.000.000
Cộng	564.697.730	109.154.000	324.000.000	994.055.931
Năm trước (*)				
Ông Hoàng Anh Quân - Phó Giám đốc	241.885.400	30.058.000	-	271.943.400
Ông Lê Hoàn - Phó Giám đốc	233.183.785	40.654.000	-	273.837.785
Bà Đào Thị Dịu - Kế toán trưởng	40.500.000	6.000.000	-	46.500.000
Cộng	515.569.185	76.712.000	-	592.281.185

(*) Trong năm 2021, Công ty không trích thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH TALC Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Pollyfill	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH MTV Nhựa Châu Âu Nghệ An	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhựa gỗ Châu Âu	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu Yên Bái	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Chân Thiện Mỹ	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch với công ty con. Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu		
Mua nguyên vật liệu	1.724.457.844	3.682.960.048
Mua tài sản		242.400.000
Công ty TNHH MTV Nhựa Châu Âu Nghệ An		
Mua nguyên vật liệu	2.325.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhựa gỗ Châu Âu		
Cho vay	-	15.000.000.000
Lãi cho vay	417.123.288	-
Thu hồi khoản cho vay	15.000.000.000	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Chân Thiện Mỹ		
Ứng tiền mua đá theo Hợp đồng nguyên tắc	1.600.000.000	6.000.000.000
Mua nguyên vật liệu	16.179.371.062	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5 và V.13.

2. Thông tin về bộ phận

2a. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước (nội địa) và khu vực nước ngoài (xuất khẩu).

Thông tin về doanh thu, giá vốn khu vực nội địa và xuất khẩu được trình bày ở Thuyết minh VI.1 và VI.2. Tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của Công ty chỉ tập trung ở khu vực nội địa.

Tài sản và nợ phải trả của khách hàng/nhà cung cấp khu vực trong nước và nước ngoài được trình bày ở Thuyết minh V.3 và V.12. Các tài sản và nợ phải trả còn lại không được theo dõi theo bộ phận.

2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất và kinh doanh bột đá CaCO₃.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được trình bày theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.

3a. Các sai sót

Do sơ xuất, Báo cáo tài chính năm 2021 chưa trình bày khoản trích lập quỹ Đầu tư phát triển theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 số 23.10/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 10 năm 2021, số tiền 3.984.049.775 VND.

3b. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán					
Quỹ đầu tư phát triển	418	-	3.984.049.775	3.984.049.775	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	36.234.228.083	(3.984.049.775)	32.250.178.308	

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Đào Thị Dịu

Kế toán trưởng

Đào Thị Dịu

Giám đốc



Hoàng Anh Quân

